

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN QUANG MINH

BÁO CÁO SINH HOẠT HỌC THUẬT TẠI BỘ MÔN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

MỘT SỐ THAY ĐỔI TRONG
LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

Hà Nội, 6/2026

NỘI DUNG

1. Tổng quan quá trình triển khai xây dựng Luật.....	3
2. Kế hoạch triển khai	4
3. Các nội dung đề xuất sửa đổi	5
Tài liệu tham khảo	

MỘT SỐ THAY ĐỔI TRONG LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

I. TỔNG QUAN QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG LUẬT

- Căn cứ Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Ban hành Chương trình lập pháp năm 2026 (theo đó Quốc hội giao Chính phủ xây dựng và trình Quốc hội Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT); Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 9442/BNNMT-MT ngày 21/11/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT; Công văn số 9731/BNNMT-VP ngày 28/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Văn phòng Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình công tác (CTCT) năm 2025 và đăng ký CTCT của CP, Thủ tướng Chính phủ năm 2026¹.

Ngày 11/12/2025, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 12296/VPCP-NN gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà về việc giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương tổ chức xây dựng dự án Luật theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ được giao tại Quyết định số 2352/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 10448/BNNMT-MT ngày 16/12/2025 gửi các cơ quan có liên quan về việc cử đại diện Lãnh đạo tham gia Tổ soạn thảo và tham gia xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT. Đến nay, Bộ đã nhận được **17** văn bản cử cán bộ tham gia Tổ soạn

¹ Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đề xuất điều chỉnh kế hoạch trình Dự án Luật vào Kỳ họp thứ 1, Quốc hội Khóa 16 (tháng 5/2026).

thảo của các đơn vị²; **04** cơ quan³ có văn bản đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung.

II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

2.1. Về thời gian dự kiến

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng Trần Đức Thắng, Đảng ủy Cục Môi trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai xây dựng Dự án Luật BVMT sửa đổi (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

2.2. Về phân công

- Cục Môi trường đã tham mưu Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 10676/BNMT-MT ngày 22/12/2025 gửi các đơn vị trực thuộc Bộ về việc tham gia xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT, trong đó Bộ yêu cầu các đơn vị rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, quy định về BVMT trong các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đề xuất sửa đổi nội dung, quy định của Luật BVMT. Đến nay, Cục Môi trường đã nhận được Văn bản đề xuất của **06/19** đơn vị⁴.

- Cục Môi trường đã phân công cụ thể đến từng Lãnh đạo Cục và các đơn vị trực thuộc để tổ chức triển khai rà soát, đề xuất chính sách cần sửa đổi, bổ sung trong Luật BVMT năm 2020 tại Công văn số 3994/MT-CSPC ngày 17/12/2025. Lãnh đạo Cục cùng các đơn vị đã nghiêm túc nghiên cứu, rà soát các khó khăn, vướng mắc phát sinh đã được chỉ ra trong quá trình Quốc hội tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT⁵, nội dung góp ý của các bộ, ngành, địa phương chưa được xử lý triệt để trong Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và các khó khăn, vướng mắc khác trong quá trình triển khai công tác quản lý về bảo vệ môi trường.

² Gồm: Văn phòng Chính phủ, các Bộ: Quốc phòng; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Ngoại giao; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Thanh tra Chính phủ; Hội Luật gia Việt Nam.

³ Gồm: Cục Viễn thám quốc gia;

⁴ Có 02 đơn vị có ý kiến đề xuất nội dung sửa Luật BVMT gồm: Cục Biến đổi khí hậu, Cục Viễn thám quốc gia; 02 đơn vị chưa đề xuất hoặc chưa có nội dung cụ thể đề xuất sửa đổi Luật BVMT, gồm: Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Cục Quản lý Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường và Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai.

⁵ Đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI LUẬT

Trên cơ sở nội dung đề xuất của các đơn vị, Đảng ủy Cục Môi trường kính báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng một số nội dung trọng tâm đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:

3.1. Về quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo

a) Tổng kết, đánh giá toàn diện việc tổ chức triển khai Luật BVMT năm 2020 trên cơ sở kế thừa đầy đủ, toàn diện kết quả giám sát tối cao của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành được thực hiện trong năm 2025.

b) Tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu lực, hiệu quả của các chính sách có tính đột phá của Luật BVMT năm 2020 như: áp dụng tiêu chí môi trường trong phân loại dự án đầu tư để quản lý, kiểm soát rủi ro về môi trường; quản lý chất thải theo hướng tăng cường tái chế, tái sử dụng, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ các thành phần môi trường thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, môi trường không khí; v.v...

c) Quán triệt chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 80 năm thành lập ngành nông nghiệp và môi trường, của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 ngành nông nghiệp và môi trường về việc tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính (TTHC) về môi trường, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương theo phương châm “*Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các vấn đề môi trường, không hy sinh môi trường để đánh đổi các lợi ích kinh tế trước mắt, coi kinh tế, xã hội, môi trường là nhiệm vụ trung tâm theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

3.2. Về mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT năm 2020 phải đạt được một số mục tiêu sau đây:

a) Tiếp tục cải cách mạnh mẽ các TTHC về môi trường, đặc biệt là các thủ tục về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường (GPMT), vừa

bảo đảm kiểm soát thực chất, có hiệu quả các dự án, cơ sở có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường, vừa đơn giản hóa thủ tục, góp phần khơi thông nguồn lực, thúc đẩy các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ hiệu quả cho mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

b) Hoàn thiện các chế định về quản lý chất thải với quan điểm coi chất thải là tài nguyên, phải được quản lý chặt chẽ, tăng cường tái chế, tái sử dụng tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

c) Hoàn thiện các chế định về quản lý chất lượng môi trường theo hướng phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguồn gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới chất lượng môi trường, đi đôi với tăng cường các biện pháp dự báo, cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường, đặc biệt là chất lượng môi trường nước, môi trường không khí.

3.3. Về một số nội dung cụ thể

3.3.1. Nhóm nội dung về cải cách TTHC môi trường, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền

Thực hiện quan điểm và mục tiêu nêu trên, ĐUMT đã nghiêm túc rà soát toàn bộ các TTHC trong lĩnh vực môi trường để nghiên cứu, đề xuất phương án phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa, đặc biệt là các TTHC do Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện. Cụ thể:

a) Đơn giản hóa các quy định về tiêu chí môi trường trong phân loại dự án để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc xác định trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường

Hiện nay, việc quy định tổ hợp 03 nhóm tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư đã bước đầu phát huy hiệu quả, xác định và phân loại đúng, trúng các dự án theo mức độ nguy cơ tác động xấu đến môi trường để có công cụ quản lý phù hợp; tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp chủ dự án lúng túng trong việc phân loại dự án, đề nghị được hướng dẫn. Một số tiêu chí được dẫn chiếu xác định theo quy định của pháp luật khác (như pháp luật về đầu tư công, đầu tư, xây dựng) trong khi các văn bản này thường xuyên có điều chỉnh, thay đổi đã kéo theo thay đổi thẩm quyền giải quyết TTHC về môi trường của dự án. Hiện nay, Luật BVMT đang phân

dự án đầu tư theo 04 nhóm (tại thời điểm ban hành cấp huyện được giao thẩm quyền cấp GPMT cho dự án nhóm III). Tuy nhiên, để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay, cần thiết phải rà soát để điều chỉnh số lượng nhóm dự án đầu tư được phân loại theo tiêu chí về môi trường cho phù hợp với thẩm quyền giải quyết TTHC về môi trường hiện nay; đồng thời, tiếp tục rà soát để cắt giảm đối tượng phải thực hiện TTHC về môi trường để đáp ứng với năng lực giải quyết tại các địa phương.

ĐUMT đề xuất tiếp tục đơn giản hóa các nhóm tiêu chí về môi trường để giúp chủ dự án thuận lợi hơn trong việc phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường, qua đó xác định phải thực hiện thủ tục hành chính có liên quan theo hướng lược bỏ một số tiêu chí về môi trường, trong đó tập trung vào các tiêu chí theo phân vùng môi trường nhằm đồng bộ và đơn giản hóa việc phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí môi trường (dự kiến chỉ còn 02 nhóm tiêu chí). Đây là tiền đề để Chính phủ ban hành danh mục cụ thể từng loại hình dự án đầu tư theo quy mô, công suất gắn với yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án để dễ dàng thực hiện phân loại và xác định trách nhiệm TTHC về môi trường, thay vì dẫn chiếu các tiêu chí như hiện nay. Khi đó, việc phân loại dự án đầu tư được thực hiện theo 03 nhóm, tương ứng với thẩm quyền giải quyết TTHC về môi trường ở cấp Bộ (nhóm I), cấp tỉnh (nhóm II) và đối tượng không phải thực hiện TTHC về môi trường (nhóm III - tương đương với nhóm IV hiện nay).

b) Về cắt giảm đối tượng, đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực môi trường

ĐUMT đề xuất sửa đổi quy định này theo hướng đơn giản hóa quy trình thực hiện, tiếp tục phân quyền mạnh mẽ cho địa phương, giảm tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ dự án trong thực hiện TTHC về môi trường. Theo đó:

* Đối với thủ tục đánh giá ĐTM

Theo quy định của Luật BVMT năm 2020, đối tượng phải thực hiện ĐTM được xác định căn cứ vào loại hình, quy mô, công suất dự án. Với trình độ khoa học - công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ như hiện nay, các dự án trong khu, cụm

công nghiệp và các dự án không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nhưng có quy mô, công suất nhỏ có thể không cần phải thực hiện các thủ tục ĐTM mà sẽ được quản lý, kiểm soát bằng công cụ giấy phép môi trường, đăng ký môi trường. Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực tiễn triển khai, ĐUMT đề xuất bổ sung quy định mới theo hướng tiếp tục cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM đối với các dự án trong khu, cụm công nghiệp, các dự án không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, các dự án có quy mô, công suất nhỏ và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường nhằm bảo đảm phù hợp với mức độ tác động môi trường và chủ trương cải cách thủ tục hành chính.

Đối với quy trình thẩm định báo cáo ĐTM hiện nay được thực hiện qua nhiều bước, trong đó có thủ tục phê duyệt kết quả thẩm định với mục đích yêu cầu chủ dự án phải hoàn thiện báo cáo ĐTM theo kết quả thẩm định (đối với trường hợp kết quả thẩm định là thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án. Để tăng cường vai trò, trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình thực hiện ĐTM, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc giảm tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm, đồng thời để đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, ĐUMT đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng việc thẩm định chỉ dừng lại ở việc cơ quan thẩm định ban hành thông báo kết quả thẩm định để chủ dự án hoàn thiện báo cáo ĐTM, với một trong ba kết quả: (i) đồng ý với nội dung do chủ dự án đề xuất; (ii) đồng ý có điều kiện; (iii) không đồng ý và yêu cầu thẩm định lại báo cáo ĐTM.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, đặc biệt là định hướng tại Luật BVMT năm 2020 và các văn bản của Đảng, Nhà nước về tăng cường phân quyền, ĐUMT đề xuất tiếp tục phân quyền cho địa phương trong thẩm định báo cáo ĐTM theo hướng Bộ chỉ thực hiện thẩm định đối với các dự án có phạm vi tác động lớn, liên vùng hoặc liên quan đến điều ước quốc tế mà Bộ là cơ quan đầu mối (như hạ tầng KCN, dịch vụ xử lý chất thải, nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất). Các trường hợp còn lại giao địa phương tổ chức thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm theo thẩm quyền.

* Đối với thủ tục cấp GPMT:

Trong thời gian qua, hoạt động cấp GPMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường) và các địa phương đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện rõ vai trò của GPMT như một công cụ quản lý môi trường thống nhất và xuyên suốt. Việc triển khai Luật BVMT năm 2020 đã giúp hợp nhất nhiều loại giấy phép, xác nhận môi trường trước đây vào một giấy phép duy nhất, qua đó góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chồng chéo và nâng cao tính đồng bộ trong quản lý các nguồn thải. Công tác phân cấp, phân quyền trong cấp GPMT được thực hiện tương đối rõ ràng giữa trung ương và địa phương, tạo điều kiện để các địa phương chủ động hơn trong thẩm định, cấp phép cho các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền, đồng thời rút ngắn khoảng cách giữa cơ quan quản lý và đối tượng được quản lý. Hoạt động cấp GPMT cũng góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khi các yêu cầu về quản lý chất thải, quan trắc, giám sát môi trường được tích hợp và quy định rõ ràng ngay trong giấy phép. Qua đó, GPMT từng bước phát huy vai trò là căn cứ pháp lý quan trọng cho công tác kiểm tra, giám sát, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cả trung ương và địa phương.

Trên cơ sở chủ trương cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh và quy định tại pháp luật về quản lý môi trường theo hướng quản lý theo mức độ rủi ro, ĐUMT đề xuất nâng ngưỡng xả thải của đối tượng xả thải phải cấp GPMT nhằm tiếp tục cắt giảm đối tượng phải thủ tục này. Trong đó, điều chỉnh các ngưỡng hiện hành đối với nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và khí thải để bảo đảm phù hợp với thực tiễn quản lý, năng lực kiểm soát của cơ quan nhà nước và mức độ tác động đến môi trường⁶. Đồng thời, bãi bỏ nội dung cấp phép đối với nguồn phát sinh khí thải, nguồn phát sinh nước thải, tiếng ồn và độ rung và cắt giảm thêm đối tượng phải có GPMT (bao gồm cơ quan, trụ sở làm việc, cơ sở giáo dục, đào tạo; doanh trại lực lượng vũ trang). Trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành, Cục sẽ tham mưu Bộ NN&MT tiếp tục thực hiện đơn giản hóa các điều

⁶ Hiện nay là trên 50 m³ nước thải sinh hoạt, trên 10 m³ nước thải công nghiệp không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm; trên 5.000 m³/giờ khí thải, xả nước thải công nghiệp thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm mới thuộc đối tượng phải cấp GPMT.

kiện, thành phần hồ sơ và rút ngắn thời gian thẩm định cấp giấy phép môi trường và tổ chức cấp giấy phép theo 02 hình thức: rút gọn và đầy đủ; trong đó: dự án, cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường thấp, phát thải nhỏ, công nghệ phổ biến, không nằm trong khu vực môi trường nhạy cảm được áp dụng quy trình cấp giấy phép môi trường đơn giản, rút gọn; dự án, cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, phát thải lớn hoặc nằm trong khu vực môi trường nhạy cảm được áp dụng quy trình cấp giấy phép môi trường đầy đủ. Việc phân loại quy trình cấp giấy phép môi trường theo rủi ro môi trường là nền tảng để vừa giảm thủ tục hành chính, vừa bảo đảm kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm có nguy cơ cao. Đây là mô hình đang được triển khai hiệu quả của nhiều quốc gia trên thế giới như các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Trên cơ sở định hướng chuyển mạnh từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” trong quản lý nhà nước về môi trường, ĐUMT đề xuất bãi bỏ thủ tục, quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, tăng cường thanh tra, kiểm tra để giảm phát sinh thời gian, chi phí, trách nhiệm cho cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp; phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo mọi thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

* Đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS)

Hiện nay, có khoảng hơn **200** đơn vị hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đang hoạt động trên toàn quốc; phần lớn các đơn vị chỉ tập trung ở 02 thành phố lớn là Hà Nội (64 đơn vị) và TP. Hồ Chí Minh (44 đơn vị). Số lượng còn lại nằm rải rác tại các tỉnh, thành phố khác. Số lượng các đơn vị thực hiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường tại 32 tỉnh còn lại hiện nay không quá 05 đơn vị ở mỗi tỉnh; hơn 20 tỉnh hiện nay chỉ có 01 đơn vị hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (thường là Trung tâm quan trắc môi trường của tỉnh). Trong lĩnh vực quan trắc, phân tích môi trường có sự tham gia của các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài. Do đó việc đánh giá, chứng nhận cần phải thực hiện bài bản, thống nhất, có xu thế hội nhập quốc tế. Để đảm bảo sự công bằng, minh bạch khi chia sẻ thông tin môi trường với khu vực

và thể giới, Việt Nam cần một hệ thống chứng nhận thống nhất, bài bản và có xu thế hội nhập. Kinh nghiệm từ các nước như Anh (MCERTS), Trung Quốc (CMA), Đức hay Ấn Độ cho thấy việc cấp phép hành nghề quan trắc môi trường thường do các cơ quan quản lý nhà nước cấp quốc gia thực hiện để đảm bảo tính pháp lý và sự thừa nhận quốc tế.

Việc phân cấp thực hiện cấp phép cho các địa phương sẽ không bảo đảm dịch vụ quan trắc được cung cấp khách quan, minh bạch, công bằng, bình đẳng trên phạm vi toàn quốc, tạo sự cạnh tranh lành mạnh, đủ năng lực hội nhập quốc tế. Dịch vụ quan trắc môi trường là lĩnh vực liên quan chặt chẽ đến độ tin cậy của dữ liệu. Hoạt động này đòi hỏi các tổ chức phải có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp, nhân sự có chuyên môn sâu, và thiết bị hiện đại. Do đó không phải địa phương nào cũng có đủ năng lực để thẩm định. Nếu thực hiện phân cấp xuống các địa phương sẽ khó đảm bảo khả năng thực hiện do năng lực của nhiều địa phương còn hạn chế, không nắm vững các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhất. Trong giai đoạn trước khi đưa vào điều kiện kinh doanh, đã từng xảy ra tình trạng nhiều đơn vị “tạo ra” số liệu quan trắc theo đặt hàng của chủ đầu tư, không phản ánh đúng hiện trạng môi trường. Đồng thời, nếu phân cấp cho địa phương, có thể làm mất đi tính khách quan, đồng nhất của hệ thống dữ liệu môi trường quốc gia.

Do đó, ĐUMT đề xuất duy trì thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận VIMCERTS tại cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương để đảm bảo chuẩn hóa năng lực và tối ưu hóa nguồn lực trong giai đoạn kiện toàn bộ máy hành chính hiện nay.

* Đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam

Trong những năm qua, hoạt động chứng nhận nhãn sinh thái/nhãn xanh Việt Nam đã từng bước hình thành và hoàn thiện khung chính sách, tiêu chí kỹ thuật; xây dựng và cập nhật hệ thống tiêu chí theo từng giai đoạn, từng bước mở rộng phạm vi áp dụng cho nhiều nhóm sản phẩm, trong đó có các nhóm sản phẩm mới gắn với các ưu tiên môi trường hiện nay như giảm thiểu rác thải nhựa, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường. Hoạt động chứng nhận đã được triển khai trên thực tế, duy trì được số lượng nhất định các sản phẩm, doanh nghiệp tham gia, gần đây

có xu hướng gia tăng; góp phần tạo dựng công cụ nhận diện sản phẩm thân thiện với môi trường cho thị trường. Đối với doanh nghiệp, việc tham gia chứng nhận nhãn sinh thái đã thúc đẩy cải tiến quy trình sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát sinh chất thải và tác động tiêu cực đến môi trường trong suốt vòng đời sản phẩm. Đồng thời, nhãn sinh thái từng bước được nhìn nhận như một lợi thế cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao về tiêu chuẩn môi trường và phù hợp với xu hướng tiêu dùng bền vững toàn cầu. Các kết quả này đã góp phần tạo nền tảng quan trọng để lồng ghép nhãn sinh thái vào các chính sách liên quan như sản xuất và tiêu dùng bền vững, mua sắm công xanh và kinh tế tuần hoàn trong thời gian tới.

Hiện nay, qua nghiên cứu, rà soát cho thấy các nước trên thế giới chỉ giao cho một cơ quan hoặc tổ chức chứng nhận Nhãn sinh thái/nhãn xanh/nhãn môi trường; không phân cấp cho các địa phương/các bang hoặc đơn vị chính quyền cấp dưới. Thực tế đến nay, các sản phẩm thân thiện với môi trường đã được chứng nhận⁷ Nhãn sinh thái Việt Nam đều được tập trung sản xuất ở một số địa phương, gồm: Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai,... mà không phải toàn quốc. Như vậy, thực hiện phân cấp xuống các địa phương sẽ hạn chế trong việc huy động sự tham gia của các chuyên gia có chuyên môn sâu ở Trung ương, khó đảm bảo tính thống nhất về đánh giá đáp ứng các tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam cho cùng sản phẩm/dịch vụ tại các địa phương khác nhau.

Bên cạnh đó, ngoài Nhãn sinh thái Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chứng nhận cho sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm đối chiếu với các tiêu chuẩn quốc gia (bao gồm cả các tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam) hoặc quốc tế tương đương có thể tự công bố đảm bảo chất lượng sản phẩm, hoặc đăng ký với các cơ quan có thẩm quyền trong nước và quốc tế đối với loại nhãn tương ứng để được chứng nhận. Ví dụ nhãn “Singapore Green Labelling” thuộc Chương trình “Singapore Green Labelling” của Singapore được triển khai từ năm 1992, do Hội đồng Môi trường Singapore (Singapore Environment

⁷ Cụ thể: năm 2024 cấp chứng nhận cho 7 sản phẩm; năm 2025 chứng nhận cho 16 sản phẩm.

Council) chứng nhận cho các sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng thân thiện với môi trường theo tiêu chí của Hội đồng này ban hành. Việc chứng nhận cũng có thể thông qua bên thứ ba là các Tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ đánh giá, chứng nhận tại Việt Nam; khi đó, hoạt động đánh giá, chứng nhận cũng cần thực hiện theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, chỉ có các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam mới được hưởng cơ chế ưu đãi về thuế bảo vệ môi trường và được ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Để đảm bảo tính thống nhất trong việc xây dựng, áp dụng và đánh giá các tiêu chí chứng nhận trên phạm vi toàn quốc, ĐUMT đề xuất không phân cấp thẩm quyền chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam cho địa phương thực hiện. Đồng thời, bổ sung “tổ chức có chức năng phù hợp” để chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam; các sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận thông qua các tổ chức này cũng được hưởng cơ chế ưu đãi về thuế bảo vệ môi trường, ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ.

* Đối với thủ tục đăng ký miễn trừ chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy:

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao là Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP). Bộ cũng đang tổ chức thực hiện việc đăng ký miễn trừ chất POP theo quy định của Công ước và có trách nhiệm đăng ký miễn trừ chất POP với Ban Thư ký Công ước Stockholm. Việc đăng ký miễn trừ các chất POP chỉ là một trong các hoạt động của Công ước Stockholm, bên cạnh đó còn nhiều hoạt động cũng đòi hỏi tính kỹ thuật cao, chuyên môn sâu và nắm vững các quy định/yêu cầu của Công ước Stockholm (như các biện pháp giảm thiểu, loại trừ chất POP, đánh giá rủi ro,...). Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường với vai trò là Cơ quan đầu mối quốc gia tại Việt Nam đã triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động tổng thể của Công ước Stockholm trong hơn 20 năm. Từ năm 2023 đến nay, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi

trường (trước đây) và Cục Môi trường (hiện nay) nhận được 02 hồ sơ đăng ký miễn trừ chất POP (01 hồ sơ trả lại do không đáp ứng yêu cầu).

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về việc công nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp đối với các trường hợp đã thực hiện thử nghiệm, đánh giá và kiểm soát hóa chất độc hại theo tiêu chuẩn ngành hoặc thông lệ quốc tế; do đó, trong một số trường hợp còn phát sinh yêu cầu đánh giá lại, làm tăng chi phí tuân thủ và nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng.

Do đó, ĐUMT đề xuất giữ nguyên hoạt động đăng ký miễn trừ chất POP tại cấp Trung ương (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) để đảm bảo vai trò Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Stockholm, chịu trách nhiệm quốc gia khi tham gia tất cả các hoạt động của Công ước Stockholm và bổ sung quy định về đánh giá sự phù hợp nhằm bảo đảm không làm gián đoạn chuỗi cung ứng của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời giảm chi phí tuân thủ đối với các trường hợp đã thực hiện thử nghiệm, đánh giá và kiểm soát hóa chất độc hại theo các tiêu chuẩn ngành và thông lệ quốc tế, bảo đảm phù hợp với yêu cầu hội nhập và thực tiễn quản lý.

* Đối với thủ tục về cải tạo phục hồi môi trường (CPM) trong hoạt động khai thác khoáng sản:

Quy định về đối tượng phải thực hiện và nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường (CPM) trong hoạt động khai thác khoáng sản trong Luật BVMT năm 2020 cơ bản được kế thừa quy định từ Luật BVMT năm 2014. Triển khai quy định này trong thời gian vừa qua đã phát huy hiệu quả khi gắn trách nhiệm của chủ dự án, cơ sở khai thác khoáng sản phải thực hiện trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc từng phần/toàn bộ hoạt động khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn có một số lúng túng trong việc xác định đối tượng phải lập lại CPM khi có điều chỉnh, thay đổi nội dung của phương án đã được phê duyệt. Theo đó, ĐUMT đề xuất sửa đổi quy định này theo hướng làm rõ đối tượng phải thực hiện lập lại phương án cải tạo phục hồi môi trường, qua đó tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai; đồng thời tiếp tục rà soát để giảm đối tượng phải thực

hiện lại thủ tục này khi có điều chỉnh, thay đổi; khuyến khích chủ cơ sở thực hiện CPM từng phần để trả lại phân diện tích đất đã kết thúc khai thác khoáng sản cho nhà nước quản lý, sử dụng vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

3.3.2. Nhóm nội dung về quản lý chất thải

ĐUMT đã rà soát, bổ sung quy định về quản lý chất thải theo hướng tăng cường sử dụng chất thải làm tài nguyên, thay thế nguyên liệu, vật liệu làm nguyên liệu sản xuất, hướng tới kinh tế tuần hoàn; bổ sung nguyên tắc về việc quản lý sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải làm hàng hóa; khí thải được khuyến khích tuần hoàn hoặc tái sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất khác. Cụ thể:

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Theo Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt hiện nay chủ yếu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân; đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khu, cụm công nghiệp, quy định phân loại chưa thực sự thống nhất, dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng khác nhau giữa các nhóm chủ nguồn thải và giữa các địa phương. Theo đó, ĐUMT đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng thống nhất việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt giữa hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; đồng thời, khuyến khích UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác thành chất thải nguy hại, chất thải công kênh và các loại chất thải sinh hoạt khác còn lại, nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý tại địa phương và nâng cao hiệu quả tổ chức thu gom, xử lý.

b) Đối với quy định về nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

- Pháp luật hiện hành cho phép nhập khẩu một số loại phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo danh mục, điều kiện và yêu cầu kỹ thuật nhất định; đồng thời chưa có quy định mang tính lộ trình dài hạn đối với việc hạn chế, chấm dứt nhập khẩu từng loại phế liệu theo mức độ rủi ro môi trường. Luật số 146/2025/QH15 đã giao Chính phủ quy định cụ thể đối tượng và lộ trình hạn chế nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Theo đó, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều

của các Nghị định trong lĩnh vực môi trường, ĐUMT đã tham mưu Lãnh đạo Bộ đề xuất giao Chính phủ ban hành quy định cấm nhập khẩu phế liệu nhựa làm nguyên liệu sản xuất kể từ ngày 31/12/2033. Tuy nhiên, để thuận lợi hơn cho quá trình triển khai, ĐUMT đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng giao Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, lộ trình hạn chế nhập khẩu cho từng loại phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (gồm: sắt, thép, gang; phế liệu nhựa, giấy, kim loại màu và phế liệu thủy tinh) đảm bảo phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành còn có quy định cho phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, nhằm thu hồi vật liệu, phế liệu phục vụ sản xuất; tuy nhiên, hoạt động này tiềm ẩn nguy cơ cao về phát sinh chất thải nguy hại, ô nhiễm môi trường và khó khăn trong kiểm soát, giám sát quá trình phá dỡ. Do đó, đề xuất không quy định cho phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, nhằm phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường từ hoạt động phá dỡ tàu biển, giảm áp lực quản lý chất thải nguy hại và bảo đảm phù hợp với định hướng tăng cường kiểm soát nhập khẩu chất thải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Đối với quy định về trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải, trách nhiệm tái chế của của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (EPR)

Luật BVMT năm 2020 quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm xử lý chất thải đối với sản phẩm, bao bì (sau sử dụng) không có khả năng tái chế (danh mục cụ thể do Chính phủ quy định) và trách nhiệm tái chế đối với sản phẩm, bao bì (sau sử dụng) có khả năng tái chế (danh mục cụ thể do Chính phủ quy định) tại Điều 54 và Điều 55. Chính phủ cũng đã ban hành các quy định chi tiết thi hành các nội dung này tại Nghị định số 08, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05. Hiện nay, Bộ NN&MT cũng đang tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định về EPR trên cơ sở kế thừa và bổ sung các quy định đã được ban hành.

Trên cơ sở tham khảo, cập nhật, đánh giá kinh nghiệm của nhiều nước trong việc thực hiện cơ chế EPR, ĐUMT đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 54, 55 của Luật theo hướng đối với sản phẩm, bao bì không có khả năng tái chế sẽ thực hiện đánh thuế bảo vệ môi trường thay vì đóng góp tài chính vào quỹ bảo vệ

môi trường để đưa khoản đóng góp này hòa vào ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo pháp luật về ngân sách, bảo đảm việc quản lý, sử dụng một cách chặt chẽ, hiệu quả. Đối với trách nhiệm tái chế, sẽ bổ sung các hình thức phù hợp để thực hiện trách nhiệm này thay vì đóng góp tài chính trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu chưa thể tự tổ chức tái chế để góp phần thúc đẩy các chủ thể này tích cực tham gia vào quá trình thiết lập hệ thống thu gom, tái chế đối với các sản phẩm, bao bì có khả năng tái chế tại Việt Nam.

d) Đối với quy định về tái chế, tái sử dụng chất thải

Pháp luật hiện hành đã bước đầu quy định về quản lý chất thải và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn; tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể về quản lý đối với sản phẩm được tạo ra từ quá trình xử lý, tái chế chất thải, bao gồm việc xác định địa vị pháp lý của sản phẩm tái chế, yêu cầu quản lý chất lượng, điều kiện lưu thông, sử dụng trên thị trường cũng như cơ chế khuyến khích tiêu thụ. Đồng thời, các quy định về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương hiện nay chưa được cập nhật đầy đủ theo các xu hướng, thỏa thuận quốc tế mới, chưa làm rõ định hướng quản lý chất thải nhựa như một loại chất thải đặc thù, ưu tiên trong mô hình kinh tế tuần hoàn.

ĐUMT đề xuất bổ sung quy định về quản lý sản phẩm tái chế từ xử lý, tái chế chất thải, theo hướng xác định rõ sản phẩm được sản xuất từ chất thải sau khi đã được xử lý, tái chế đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, môi trường thì được xem là sản phẩm hợp pháp để lưu thông, sử dụng. Bổ sung các cơ chế khuyến khích sử dụng sản phẩm tái chế thông qua chính sách ưu đãi, khuyến khích thị trường, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm khai thác tài nguyên thiên nhiên nguyên sinh và giảm lượng chất thải phát sinh. Tiếp tục rà soát, sửa đổi toàn diện các quy định về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, cũng như phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương, để bảo đảm phù hợp với các thỏa thuận quốc tế mới về ô nhiễm nhựa và định hướng quản lý chất thải nhựa như một loại chất thải đặc thù, ưu tiên kiểm soát, tái chế và tuần hoàn trong nền kinh tế.

3.3.3. Nhóm nội dung về quản lý chất lượng môi trường

a) Về bảo vệ môi trường nước

Luật BVMT năm 2020 quy định chặt chẽ đối với việc xả nước thải của chủ dự án, cơ sở, cụ thể: “***Không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư mới có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào môi trường tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải hoặc trường hợp dự án đầu tư xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm***”.

Tuy nhiên, thực tiễn có những đoạn sông chỉ hết sức chịu tải đối với một hoặc một số thông số mà không phải toàn bộ các thông số theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, ĐUMT đề xuất bổ sung quy định về đoạn sông hết khả năng chịu tải đối với tất cả các thông số và đoạn sông chỉ hết sức chịu tải với một hoặc một số thông số theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giải quyết vướng mắc trong quá trình việc phê duyệt và cấp GPMT cho một số dự án/cơ sở trên một số đoạn sông. Sửa đổi này để có sự linh hoạt trong nguyên tắc áp dụng kết quả đánh giá khả năng chịu tải khi thẩm định ĐTM và cấp giấy phép môi trường, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và BVMT.

b) Về bảo vệ môi trường không khí

Thời gian qua ô nhiễm môi trường không khí đã trở nên cấp bách, tập trung chủ yếu tại các đô thị đặc biệt (thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh) và các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Thái Nguyên; Bắc Ninh, Hải Phòng) trong một số thời điểm. Xuất phát từ thực tế đó Đảng, Chính phủ và UBND thành phố Hà Nội đã có nhiều biện pháp cấp bách để hạn chế ô nhiễm môi trường không khí, đặc biệt tại khu vực Thủ đô Hà Nội như đề xuất vùng phát thải thấp, cấm xe máy tại khu vực nội đô từ ngày 01/7/2026, trong khi các quy định về bảo vệ môi trường không khí tại Luật BVMT năm 2020 chưa theo kịp các yêu cầu, giải pháp cấp bách để giải

quyết tình trạng ô nhiễm không khí, như: chưa đủ cơ sở pháp lý để chính quyền địa phương hạn chế hoặc cấm sử dụng phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trọng điểm; thiếu biện pháp để giám sát, bảo vệ môi trường không khí đối với hoạt động xây dựng, phương tiện giao thông. Ngoài ra kinh nghiệm thành công của Bắc Kinh trong khắc phục ô nhiễm không khí trong thời gian qua gắn với Luật Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm không khí năm 2015 cần được nghiên cứu, học hỏi. Xuất phát từ thực tế đó, ĐUMT đề xuất bổ sung cơ sở pháp lý cho việc triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông theo hướng xanh, kèm theo đồng bộ các biện pháp hỗ trợ về hạ tầng, chính quyền địa phương hạn chế hoặc cấm sử dụng phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường tại một số khu vực trọng điểm; một số biện pháp để giám sát, bảo vệ môi trường không khí đối với hoạt động xây dựng, phương tiện giao thông; trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí; dự báo, cảnh báo và các biện pháp khẩn cấp trong quản lý chất lượng môi trường không khí.

c) Về bảo vệ môi trường đất

Quy định về bảo vệ môi trường đất trong pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật về đất đai có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng thể hiện những khác biệt rõ nét về mục tiêu điều chỉnh, cách tiếp cận và công cụ quản lý. Cả hai hệ thống pháp luật đều thống nhất coi đất là tài nguyên quốc gia đặc biệt, hữu hạn, có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và duy trì môi trường sống bền vững, do đó đều đặt ra yêu cầu phải quản lý, sử dụng hợp lý và bảo vệ đất trong dài hạn. Đồng thời, trách nhiệm bảo vệ đất đều được gắn với tổ chức, cá nhân sử dụng đất, yêu cầu không gây suy thoái, ô nhiễm và phải thực hiện các biện pháp khắc phục, cải tạo khi làm ảnh hưởng đến chất lượng đất. Trên cơ sở đó, ĐUMT đề xuất sửa đổi quy định về bảo vệ môi trường đất trong pháp luật về BVMT để đồng bộ các quy định của Luật Đất đai; đồng thời, cũng sẽ phân định rõ quy định giữa “*Chất lượng đất*” (thuộc phạm vi quản lý của Luật Đất đai) và “*Ô nhiễm đất*” (trọng tâm của Luật BVMT năm 2020).

d) Về dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường:

Hiện nay công tác dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường đã được Đảng và Nhà nước chỉ đạo tại dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV, Quyết định 2530/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Tuy nhiên, Luật BVMT năm 2020 chưa quy định về công tác dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường. Do đó, ĐUMT đề xuất bổ sung quy định về công tác dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường theo hướng giao trách nhiệm cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, vận hành hệ thống dự báo, cảnh báo ô nhiễm môi trường, công tác công bố thông tin dự báo trên các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp với chỉ đạo tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV, Quyết định 2530/QĐ-TTg nêu trên.

3.3.4. Nhóm các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Đây là nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ tham mưu của Cục Biến đổi khí hậu (Cục BĐKH), ĐUMT đã tổng hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu trong Luật BVMT năm 2020 như sau:

* Rà soát, bổ sung quy định về kiểm kê khí nhà kính; xác định, phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về giảm phát thải khí nhà kính trong các chiến lược, quy hoạch

- Về quản lý phát thải khí nhà kính: quy định tại Điều 91 hiện nay chưa bao quát hết các nội hàm quản lý về phát thải khí nhà kính. Cụ thể, nội dung giảm nhẹ chỉ là một trong những hoạt động của quản lý phát thải. Để đảm bảo bao quát, đáp ứng yêu cầu quản lý khí nhà kính trong tình hình hiện nay và thực hiện phân cấp, phân quyền. Cục BĐKH đề xuất điều chỉnh các quy định về “*Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính*” thành “*Quản lý phát thải khí nhà kính*”.

- Về kỳ kiểm kê khí nhà kính: Quy định kỳ kiểm kê khí nhà kính các cấp theo quy định hiện hành là hai năm một lần không đảm bảo tính liên tục, chính xác của

số liệu, gây khó khăn cho việc phân bổ, theo dõi, đánh giá thực hiện hạn ngạch phát thải khí nhà kính và hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon, thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Do đó, Cục BĐKH đề xuất điều chỉnh kỳ kiểm kê khí nhà kính các cấp hằng năm nhằm đảm bảo đầy đủ số liệu theo thời gian phục vụ công tác quản lý, theo dõi, đánh giá phát thải khí nhà kính.

- Về trách nhiệm kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh, lập, cập nhật danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính: Hiện nay chưa có quy định về kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh, không tạo điều kiện theo dõi, đánh giá phát thải khí nhà kính hoặc xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quy định hiện nay giao Bộ NN&MT phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực xây dựng, cập nhật danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính hai năm một lần trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chưa đảm bảo tính thực tiễn, chính xác và việc phân cấp, phân quyền cho địa phương. Do đó, Cục BĐKH đề xuất bổ sung trách nhiệm kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh. Đồng thời Cục BĐKH đề xuất giao cho UBND cấp tỉnh lập, cập nhật danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn là phù hợp để đảm bảo tính thống nhất, cập nhật của thông tin, số liệu cấp cơ sở tại các địa phương. Việc giao UBND cấp tỉnh cũng nhằm thực hiện việc đẩy mạnh hoạt động phân cấp, phân quyền.

- Về xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC): Hiện nay, chưa có quy định các Bộ quản lý lĩnh vực xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực gắn với đóng góp giảm phát thải khí nhà kính theo NDC để pháp lý hoá mục tiêu, biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong NDC làm cơ sở cho các Bộ quản lý lĩnh vực xây dựng Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực; cần có quy định trách nhiệm của các Bộ quản lý lĩnh vực trong đề xuất các đóng góp để đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ quản lý lĩnh vực. Do đó, Cục BĐKH đề xuất cần pháp lý hoá mục tiêu, biện pháp

giảm phát thải khí nhà kính trong NDC làm cơ sở cho các Bộ quản lý lĩnh vực xây dựng Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực.

- Về điều chỉnh trách nhiệm xác định, phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính: Quy định hiện hành đang giao Bộ NN&MT là cơ quan tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả những lĩnh vực không thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN&MT. Trong khi đó, các Bộ quản lý lĩnh vực mới nắm rõ nhất về công nghệ, năng lực sản xuất và hiện trạng phát thải của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. Do đó, Cục BĐKH đề xuất bổ sung quy định các Bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm rà soát, xác định danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch trong phạm vi quản lý; đề xuất phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho từng cơ sở theo giai đoạn và hằng năm, gửi Bộ NN&MT để tổng hợp và tổ chức quản lý; ban hành quy định, hướng dẫn, thực hiện rà soát, điều chỉnh lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho các cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

- Về đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính: Theo quy định hiện hành, các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc danh mục được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước. Danh mục cập nhật nhất cho năm 2024 do Thủ tướng Chính phủ ban hành có tổng cộng **2.166** cơ sở được tổng hợp theo tiêu chí ban hành tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ. Theo kinh nghiệm quốc tế, trong giai đoạn đầu của thị trường các-bon tuân thủ, chỉ phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhóm nhỏ các cơ sở phát thải rất lớn, có đầy đủ dữ liệu để giám sát nhằm giúp bộ máy hành chính không bị quá tải, tiết kiệm chi phí vận hành và tập trung nguồn lực giám sát vào những lĩnh vực có tiềm năng cắt giảm phát thải lớn nhất, thay vì dàn trải cho hàng nghìn doanh nghiệp. Việc bắt đầu với những cơ sở có dữ liệu phát thải lịch sử tin cậy giúp việc tính toán và phân bổ hạn ngạch chính xác, công bằng. Giai đoạn đầu được coi là giai đoạn thử nghiệm để cơ quan quản lý vừa làm vừa rút kinh nghiệm, hoàn thiện khung pháp lý, sau khi hệ thống đã vận hành ổn định và trơn tru, việc mở rộng sang các lĩnh vực

khó đo lường hơn mới đảm bảo tính khả thi. Do đó, Cục BDKH đề nghị điều chỉnh quy định đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

- Về tỷ lệ hạn ngạch được phân bổ miễn phí, tỷ lệ hạn ngạch đấu giá: Cục BDKH đề xuất bổ sung quy định tỷ lệ hạn ngạch được phân bổ miễn phí, tỷ lệ hạn ngạch đấu giá theo hướng sửa đổi quy định tại khoản 7 Điều 139 cho phù hợp với vai trò thực hiện đấu giá hạn ngạch là của cơ quan quản lý. Quy định này giúp cân bằng giữa áp lực giảm phát thải khí nhà kính và năng lực thích ứng của doanh nghiệp. Việc phân bổ miễn phí trong giai đoạn đầu giúp các cơ sở có thời gian chuyển đổi công nghệ. Trong khi đó, việc đưa ra một tỷ lệ đấu giá nhất định sẽ buộc cơ sở phải cân nhắc giữa chi phí mua hạn ngạch và chi phí đầu tư vào giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, từ đó thúc đẩy giảm phát thải thực chất. Đồng thời, cơ chế đấu giá giúp hiện thực hóa nguyên tắc “*người gây ô nhiễm phải trả tiền*” và tạo nguồn thu cho tái đầu tư xanh. Nguồn thu từ đấu giá hạn ngạch cung cấp nguồn lực tài chính quan trọng để Chính phủ tái đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ sạch, hoặc chi cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Nếu phân bổ miễn phí quá mức, những doanh nghiệp có hiệu suất năng lượng tốt sẽ自然而然 có lượng dư thừa lớn để bán lại lấy lời mà không cần nỗ lực giảm phát thải thêm, gây bất công bằng trong thị trường. Việc tăng dần tỷ lệ đấu giá sẽ buộc các doanh nghiệp phải cạnh tranh sòng phẳng, giúp giá hạn ngạch phản ánh chính xác quan hệ cung cầu và giá trị thực tế của các-bon trên thị trường.

- Về điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính: Khi một doanh nghiệp giải thể, phá sản, hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập thì hoạt động phát thải thực tế sẽ thay đổi. Cục BDKH đề xuất bổ sung quy định về điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhằm ngăn ngừa tình trạng các doanh nghiệp ngừng hoạt động mang lượng hạn ngạch được cấp miễn phí đi bán lại để thu lợi nhuận thuần túy, đảm bảo sự công bằng đối với những doanh nghiệp đang phải đầu tư thực sự vào công nghệ xanh để dư thừa hạn ngạch; đối với các doanh nghiệp hợp nhất, bị chia, bị sáp nhập cũng cần phải điều chỉnh tăng, giảm để phù hợp với lượng phát thải khí nhà kính thực tế. Quy định này giúp Nhà nước quản lý hiệu quả tổng hạn ngạch quốc gia. Trong các trường hợp hợp nhất, chia hay sáp nhập, việc thu hồi hạn ngạch đã cấp là bắt buộc

để cơ quan quản lý xác định chính xác mức phát thải cơ sở và phân bổ lại nghĩa vụ phù hợp cho các cơ sở mới. Điều này không chỉ đảm bảo tính liên tục của công tác kiểm kê mà còn giúp Chính phủ linh hoạt điều tiết lượng hạn ngạch hữu hạn. Do đó, bổ sung quy định điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính là cần thiết.

Ngoài ra, Cục BDKH đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác về bổ sung trách nhiệm hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính của các Bộ quản lý lĩnh vực; bổ sung trách nhiệm của Bộ NN&MT trong xây dựng hệ thống kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính trực tuyến; điều chỉnh, bổ sung trách nhiệm của các Bộ quản lý lĩnh vực xây dựng Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực gắn với đóng góp giảm phát thải khí nhà kính theo NDC.

* Về thị trường các-bon

- Bổ sung quy định đặc điểm của hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon: quy định hiện hành cho phép hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon được trao đổi trên thị trường các-bon trong nước. Tuy nhiên, chưa quy định rõ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon là tài sản hay giấy phép. Kinh nghiệm của quốc tế cho thấy tùy quốc gia quy định hạn ngạch phát thải khí nhà kính là giấy phép hoặc tài sản trong khi tín chỉ các-bon được coi là tài sản. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính được cấp cho doanh nghiệp với số lượng giới hạn và trong một thời gian nhất định do đó theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam, quy định hạn ngạch phát thải khí nhà kính là giấy phép là phù hợp.

- Bổ sung điều kiện nhà đầu tư tín chỉ các-bon: Việc bổ sung quy định này nhằm chuyên nghiệp hóa và thúc đẩy tính thanh khoản cho thị trường. Các tổ chức này đóng vai trò là “*nhà tạo lập thị trường*” và đơn vị trung gian, giúp kết nối bên bán với bên mua một cách hiệu quả hơn. Thay vì chỉ diễn ra các giao dịch đơn lẻ, sự tham gia của các định chế tài chính sẽ cung cấp các công cụ phái sinh, quản lý rủi ro và môi giới chuyên nghiệp, giúp hình thành giá các-bon minh bạch và giảm chi phí giao dịch cho toàn xã hội. Quy định này giúp đảm bảo tính ổn định và sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

- Về bình ổn thị trường: Khi nhu cầu hạn ngạch tăng đột biến khiến giá các-bon tăng, chi phí sản xuất của các ngành công nghiệp trọng điểm như điện, thép, xi măng sẽ bị đẩy lên cao. Việc can thiệp kịp thời để hạ nhiệt giá thị trường giúp bảo vệ doanh nghiệp khỏi rủi ro tài chính, ngăn chặn đà lạm phát và duy trì sức cạnh tranh cho hàng hóa nội địa. Cơ chế bình ổn thị trường đảm bảo giá các-bon không giảm quá thấp, nhằm duy trì động lực giảm phát thải thực chất. Nếu thị trường dư thừa nguồn cung khiến giá hạn ngạch quá rẻ, các doanh nghiệp sẽ ưu tiên việc mua hạn ngạch để bù đắp phát thải thay vì đầu tư vào công nghệ xanh hay năng lượng tái tạo. Sự ổn định của thị trường giúp củng cố niềm tin và thu hút dòng vốn đầu tư dài hạn. Bằng cách thiết lập “*hành lang giá*” an toàn, quy định bình ổn giảm thiểu rủi ro biến động cực đoan, từ đó khuyến khích các doanh nghiệp tự tin rót vốn vào các dự án chuyển đổi xanh dài hạn. Theo đó, Cục BDKH đề xuất bổ sung quy định bình ổn để ngăn chặn hành vi đầu cơ và thao túng thị trường. Với sự tham gia của các nhà đầu tư tài chính, thị trường có rủi ro bị lũng đoạn bởi các hoạt động mua gom, tích trữ nhằm đẩy giá trục lợi. Các biện pháp can thiệp của Nhà nước đảm bảo thị trường vận hành đúng chức năng là công cụ chính sách môi trường, thay vì trở thành nơi đầu cơ tài chính thuần túy, gây mất ổn định trật tự kinh tế.

- Về quản lý tín chỉ các-bon tại các sàn giao dịch các-bon trong Trung tâm tài chính quốc tế: Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam cho phép thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế, trong đó cho phép giao dịch tín chỉ các-bon (Điều 13). Nghị định số 330/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 của Chính phủ về thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam quy định sàn giao dịch hàng hóa là hệ thống giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa và tín chỉ các-bon là một trong những hàng hóa được phép mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa. Hiện nay, chưa có quy định quản lý tín chỉ các-bon giao dịch tại các hệ thống giao dịch trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, do đó cần bổ sung quy định quản lý tín chỉ các-bon được giao dịch tại Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

- Quy định về kiểm tra, giám sát: Quy định hiện hành giao Bộ Tài chính chủ trì thành lập thị trường các-bon trong nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới. Tuy nhiên, quy định về kiểm tra, giám sát chưa tách biệt rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong hoạt động của thị trường các-bon. Do đó, sửa đổi, bổ sung quy định kiểm tra, giám sát hoạt động của thị trường các-bon là cần thiết.

- Về phí, lệ phí: Hiện chưa có quy định về phí và lệ phí cho hoạt động của thị trường các-bon. Việc quy định phí và lệ phí giúp bù đắp chi phí vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật và quản lý hành chính cho thị trường các-bon như: duy trì Hệ thống đăng ký quốc gia, quản lý tài khoản giao dịch, tổ chức đấu giá hạn ngạch và giám sát tuân thủ. Quy định này thực hiện nguyên tắc “*người sử dụng dịch vụ phải trả tiền*”, giúp giảm bớt áp lực cho ngân sách nhà nước. Thay vì dùng thuế của toàn dân để duy trì một thị trường dành cho các thực thể phát thải, việc thu phí đối với các hoạt động như đăng ký dự án tín chỉ, cấp chứng nhận hoặc chuyển nhượng hạn ngạch sẽ chuyển nghĩa vụ tài chính trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng dịch vụ. Nguồn thu từ phí và lệ phí tạo nguồn lực để tái đầu tư vào công tác đào tạo và phát triển thị trường. Thị trường các-bon là lĩnh vực mới và phức tạp, đòi hỏi đội ngũ chuyên gia thẩm định, kiểm kê có trình độ cao. Nguồn thu này có thể được sử dụng để tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp. Do đó, Cục BDKH đề xuất bổ sung quy định phí, lệ phí.

* Về bảo vệ tầng Ô dôn

- Về quy định không thải bỏ trực tiếp môi chất lạnh ra môi trường: Mặc dù Luật BVMT năm 2020 đã quy định kiểm soát sản xuất, nhập khẩu và lộ trình loại trừ các chất này, song chưa điều chỉnh đầy đủ hành vi xả thải, rò rỉ và thải bỏ môi chất trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa và thải bỏ thiết bị lạnh. Thực tiễn cho thấy, phần lớn lượng môi chất lạnh thất thoát không đến từ sản xuất mà từ hoạt động vận hành và xử lý thiết bị, dẫn tới phát thải vô hình nhưng có tác động lớn, gây suy giảm tầng ô-dôn và góp phần gia tăng phát thải khí nhà kính. Do đó, Cục BDKH đề xuất bổ sung quy định cấm thải bỏ trực tiếp môi chất lạnh ra môi trường

là hết sức cần thiết nhằm khắc phục khoảng trống pháp lý hiện nay, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để yêu cầu thu hồi, tái sử dụng hoặc xử lý an toàn môi chất lạnh, thúc đẩy hình thành thị trường dịch vụ kỹ thuật và tái chế hợp pháp

- Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) đối với thiết bị có chứa môi chất lạnh chưa được liên kết rõ với quản lý các chất được kiểm soát: Hiện nay, các quy định của Luật BVMT năm 2020 mới dừng lại ở yêu cầu phân loại, thu gom và xử lý chất thải, dẫn đến tình trạng trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu và phân phối thiết bị lạnh không được xác định rõ ràng trong khâu thu hồi, tháo dỡ và xử lý thiết bị hết vòng đời, đặc biệt liên quan đến việc thu hồi và xử lý môi chất lạnh chứa bên trong. Thực tế triển khai cho thấy phần lớn thiết bị lạnh sau khi ngừng sử dụng bị thu gom như kim loại phế liệu thông thường, môi chất bên trong bị xả bỏ hoặc rò rỉ ra môi trường, gây suy giảm tầng ô-dôn và phát thải khí nhà kính. Việc gắn trách nhiệm thu hồi, tái chế và xử lý theo cơ chế EPR sẽ bảo đảm quản lý vòng đời khép kín của sản phẩm, thiết lập trách nhiệm pháp lý rõ ràng cho nhà sản xuất, nhập khẩu và các đơn vị dịch vụ, đồng thời tạo cơ sở huy động nguồn lực xã hội thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách nhà nước. Sửa đổi này sẽ góp phần thúc đẩy hình thành thị trường tái chế, tái sử dụng môi chất lạnh, nâng cao mức độ tuân thủ cam kết quốc tế, và cải thiện hiệu quả thực thi chính sách bảo vệ môi trường trong ngành lạnh và điều hòa không khí.

- Kiểm soát thương mại, vận chuyển và hoạt động xuyên biên giới: Hiện nay chưa có quy định về vận chuyển, tái xuất, trao đổi xuyên biên giới đối với chất được kiểm soát nhằm phục vụ tái chế hoặc tiêu hủy các chất được kiểm soát. Đối với nhiều nhóm chất được kiểm soát, Việt Nam hiện chưa có đầy đủ năng lực xử lý, tái chế hoặc tiêu hủy trong nước, đặc biệt đối với công nghệ thu hồi và phá hủy các chất có chỉ số suy giảm tầng ô-dôn hoặc hiệu ứng nhà kính cao. Việc thiết lập cơ chế pháp lý cho phép vận chuyển xuyên biên giới trong khuôn khổ điều ước quốc tế sẽ giúp xử lý an toàn lượng môi chất tồn kho, ngăn chặn nguy cơ thải bỏ trái phép ra môi trường, đồng thời khuyến khích hình thành chuỗi dịch vụ thu gom, phân loại và phục hồi môi chất lạnh. Hiện nay, Luật BVMT năm 2020 và các văn bản dưới luật mới tập trung vào quản lý sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ trong nước, trong khi

hoạt động vận chuyển xuyên biên giới, tái xuất hoặc chuyển giao các chất được kiểm soát để phục vụ tái chế hoặc tiêu hủy chưa được quy định rõ ràng. Khoảng trống này dẫn đến tình trạng một số lô hàng môi chất hoặc thiết bị đã qua sử dụng không thể xử lý đúng cách trong nước nhưng cũng không có cơ sở pháp lý đầy đủ để chuyển ra nước ngoài.

- Cơ chế khuyến khích: Mặc dù Luật BVMT năm 2020 đã thiết lập khung quản lý sản xuất, nhập khẩu, tiêu thụ và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn hoặc có tiềm năng gây hiệu ứng nhà kính cao, các quy định hiện hành vẫn thiên về cơ chế hành chính và chưa tạo động lực cho doanh nghiệp chủ động chuyển đổi mô hình, công nghệ và thiết bị theo hướng làm mát bền vững. Trong bối cảnh nhu cầu làm mát ngày càng tăng trong công nghiệp, xây dựng, giao thông lạnh và đời sống dân sinh, việc chỉ kiểm soát lộ trình loại trừ là chưa đủ để giảm thiểu phát thải. Cần thiết thiết lập cơ chế pháp lý khuyến khích doanh nghiệp và tổ chức đầu tư vào công nghệ mới, nâng cao hiệu quả năng lượng, giảm thất thoát môi chất lạnh, thu hồi - tái chế và thay thế bằng các môi chất có tác động thấp hơn. Các biện pháp này không chỉ giảm phát thải trực tiếp và gián tiếp từ hoạt động làm mát, mà còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp tận dụng xu hướng công nghệ toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Các giải pháp làm mát bền vững và giảm nhu cầu sử dụng môi chất lạnh: Hiện các quy định pháp luật chủ yếu tập trung vào quản lý sản xuất, nhập khẩu và loại trừ môi chất lạnh, song lại chưa đề cập đầy đủ đến các giải pháp công nghệ và mô hình vận hành có khả năng giảm phát thải ngay từ khâu thiết kế và cung cấp dịch vụ làm mát. Điều này tạo ra khoảng trống đáng kể trong chính sách khi nhu cầu làm mát ngày càng tăng mạnh bởi đô thị hóa, biến đổi khí hậu và tăng trưởng dân số, kéo theo áp lực sử dụng môi chất lạnh và phát thải khí nhà kính gia tăng. Do đó, việc bổ sung chính sách hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chuyển đổi sang công nghệ và mô hình làm mát bền vững mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi chuyển dịch này đòi hỏi vốn đầu tư, đào tạo kỹ thuật và khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến. Nội dung này cũng giúp Việt Nam tiếp cận nhanh với xu hướng toàn cầu, bảo đảm hài hòa với cam kết quốc tế, đồng thời bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và giảm chi phí năng lượng trong dài hạn.

* Các nội dung cần sửa đổi thích ứng với biến đổi khí hậu

- Về thẩm quyền ban hành tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu, tiêu chí ưu tiên xác định dự án thích ứng với biến đổi khí hậu: Thời gian qua, hệ thống pháp luật về đầu tư và đầu tư công liên tục được sửa đổi, bổ sung, cập nhật theo hướng phân cấp, phân quyền mạnh mẽ. Theo đó, thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ phần lớn đã được phân quyền cho người đứng đầu cơ quan Bộ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh. Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ trong hệ thống pháp luật hiện hành về đầu tư và đầu tư công không còn liên quan trực tiếp đến lĩnh vực thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc quy định chung về tiêu chí xác định dự án đầu tư, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu là nội dung chuyên môn của ngành nông nghiệp và môi trường, phù hợp với thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu là cơ sở để triển khai đánh giá rủi ro khí hậu cho các lĩnh vực và khu vực dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Tiêu chí mang tính chuyên môn, kỹ thuật và được cập nhật theo sự thay đổi của các yếu tố cấu thành, bao gồm cả Kịch bản biến đổi khí hậu do Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, công bố định kỳ 05 năm. Việc phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu là phù hợp, giúp cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ động trong quá trình xây dựng, điều chỉnh và bổ sung những tiêu chí phù hợp với tình hình thực tế và những diễn biến mới của biến đổi khí hậu.

- Về việc phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hệ thống giám sát của từng Bộ, ngành, địa phương: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 ban hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thành việc xây dựng phần mềm báo cáo kết quả giám sát, đánh giá trực tuyến và hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện; phần mềm này là một phần của cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cung cấp cơ sở cho việc quản lý, điều phối và nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu. Do đó, việc quy định giao

các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hệ thống giám sát của từng Bộ, ngành, địa phương là không còn phù hợp.

- Về thông tin, dữ liệu về tác động của biến đổi khí hậu: Thực tế triển khai cho thấy các đối tượng bị tác động của biến đổi khí hậu gồm: tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội chưa bao quát hết được toàn bộ các đối tượng bị tác động của ba hệ thống tự nhiên, hệ thống kinh tế, hệ thống xã hội. Do đó, Cục BĐKH đề xuất sửa đổi, bổ sung đối tượng bị tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống tự nhiên, hệ thống kinh tế, hệ thống xã hội.

b) Về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay một số quy định thông số theo quy chuẩn là cao hơn loại hình công nghệ đang áp dụng dẫn đến khó có thể áp dụng khả thi trong thực tế (như: điện rác, chất thải nguy hại, thép, xi măng,...). Do đó, đề xuất điều chỉnh các quy chuẩn môi trường sát với loại hình công nghệ phù hợp (BAT) để có lộ trình áp dụng quy chuẩn cho phù hợp.

c) Nhóm các nội dung khác có liên quan

Ngoài các nội dung nêu trên, ĐUMT đề xuất sửa đổi một số thuật ngữ cho phù hợp và thuận lợi trong quá trình triển khai như:

- Bổ sung thêm giải thích từ ngữ về “*chôn, lấp, đổ, thải*” để thuận lợi trong việc xác định hành vi lưu giữ chất thải không đúng quy định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và hành vi chôn, lấp, đổ, thải theo quy định của pháp luật về hình sự (đặc biệt là đối với hoạt động giám định tư pháp).

- Chỉnh sửa định nghĩa “*giấy phép môi trường*” để bảo đảm thống nhất trong áp dụng đối với đối tượng có hoạt động xả thải nhưng không phải là sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đây cũng là phản ánh của nhiều địa phương trong thời gian qua.

- Sửa đổi, bổ sung căn cứ cấp GPMT theo hướng chỉ quy định về bảo vệ môi trường của pháp luật khác có liên quan để bảo đảm đúng phạm vi, cần kiểm soát, quản lý của Luật BVMT.

- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với các cơ sở đã được cấp GPMT nhưng các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải quy định chưa được đưa vào GPMT thì phải tiếp tục thực hiện theo nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với giai đoạn, công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải còn lại. Việc sửa đổi này nhằm tháo gỡ, khó khăn vướng mắc đối với các dự án có nhiều giai đoạn, đặc biệt là các dự án lớn, thời gian thực hiện kéo dài đã được cấp GPMT một hoặc một số giai đoạn; đây cũng là phản ánh của nhiều địa phương trong thời gian qua.

- Không giao trách nhiệm cho Bộ NN&MT xây dựng và trình Thủ tướng ban hành quy định về ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải; đồng thời, rà soát, sửa đổi để đồng bộ, thống nhất nội dung phòng ngừa, ứng phó, cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố để bảo đảm thống nhất giữa Luật BVMT, Luật Phòng thủ dân sự và quy định của pháp luật có liên quan; qua đó sẽ tránh phát sinh chồng chéo giữa các nội dung quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải quy định tại Luật BVMT, Luật Phòng thủ dân sự, Nghị định và Thông tư hướng dẫn 02 Luật này và Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

- Bãi bỏ trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại quy định khoản 4 Điều 84 Luật BVMT để bảo đảm thống nhất, phù hợp với Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

- Điều chỉnh cụm từ “*khu kinh doanh, dịch vụ tập trung*” thành “*trung tâm thương mại*” để đảm bảo không nhầm lẫn với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế.

- Điều chỉnh trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân để đảm bảo thống nhất về nội dung và làm rõ đối tượng quản lý là nước thải sinh hoạt.

3.3.5. Nội dung thay đổi trong lĩnh vực môi trường theo Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP

- Phụ lục IX cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh lĩnh vực môi trường.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật bảo vệ môi trường 2020.
2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường
3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
4. Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường
5. Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
6. Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/02/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025.
7. Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
8. Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ: Về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường